

167/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG SÀI GÒN – VỮNG TÀU – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 273/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 08 tháng 12 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	5 ₈	10°41'00.52"N	106°45'33.98"E
		11 ₉	10°41'03.16"N	106°45'33.79"E
Xoá	Độ sâu	12 ₄	10°41'03.10"N	106°45'33.80"E
		5 ₇	10°40'58.65"N	106°45'35.79"E
		4 ₇	10°41'00.58"N	106°45'33.46"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 08 tháng 12 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	5 ₈	10°41'00.52"N	106°45'33.98"E
Xoá	Độ sâu	4 ₇	10°41'00.58"N	106°45'33.46"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

167/2022 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.273/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on December 8th, 2022)

Insert	Depth	5 ₈	10°41'00.52"N	106°45'33.98"E
		11 ₉	10°41'03.16"N	106°45'33.79"E
Delete	Depth	12 ₄	10°41'03.10"N	106°45'33.80"E
		5 ₇	10°40'58.65"N	106°45'35.79"E
		4 ₇	10°41'00.58"N	106°45'33.46"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on December 8th, 2022)

Insert	Depth	5 ₈	10°41'00.52"N	106°45'33.98"E
Delete	Depth	4 ₇	10°41'00.58"N	106°45'33.46"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
